

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và
cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

NỘI DUNG

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 45

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (2) công ty con trực tiếp, năm (5) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Mơ	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Thủy Ngọc Dũng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Lê Thị Liễu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 16 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13874542/69345289

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("Công ty") được lập vào ngày 16 tháng 4 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng là từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 (là ngày Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.761.897.997	5.499.126.980
110	I. Tiền	4	2.870.177	120.196.815
111	1. Tiền		2.870.177	120.196.815
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.628.619.289	5.246.405.713
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	417.750.366	346.005.578
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	273.032.186	186.430.960
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	543.173.022	2.436.021.902
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.394.663.715	2.461.486.037
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	-	(183.538.764)
140	III. Hàng tồn kho	10	112.099.302	100.715.439
141	1. Hàng tồn kho		112.099.302	100.715.439
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		18.309.229	31.809.013
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		288.277	317.433
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	18.016.571	31.028.490
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	4.381	463.090
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.980.713.590	636.905.634
220	I. Tài sản cố định		44.952.203	45.594.212
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	44.952.203	45.594.212
222	Nguyên giá		67.288.023	67.288.023
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(22.335.820)	(21.693.811)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.445.851
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.445.851
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.932.507.000	588.037.500
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.617.266.000	272.796.500
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		316.391.000	316.391.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.150.000)	(1.150.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.254.387	828.071
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.254.387	828.071
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.742.611.587	6.136.032.614

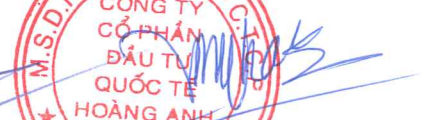
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.273.576.507	4.861.225.422
310	I. Nợ ngắn hạn		2.784.428.798	3.422.323.965
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	542.774.554	950.356.421
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	103.478.410	117.307.854
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.138	23.296
314	4. Phải trả người lao động		751.026	398.757
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	28.724.391	26.447.734
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	118.026.220	332.123.843
320	7. Vay ngắn hạn	18	1.990.668.059	1.995.666.060
330	II. Nợ dài hạn		2.489.147.709	1.438.901.457
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	16	50.706.125	44.842.152
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	1.038.773.927	4.875.082
338	3. Vay dài hạn	18	1.399.667.657	1.389.184.223
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.469.035.080	1.274.807.192
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.469.035.080	1.274.807.192
411	1. Vốn cổ phần		1.685.000.000	1.685.000.000
421	2. Lũy kế		(215.964.920)	(410.192.808)
421a	- Lũy kế đến cuối kỳ trước		(410.192.808)	(383.621.555)
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ) kỳ này		194.227.888	(26.571.253)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.742.611.587	6.136.032.614


Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tinh
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

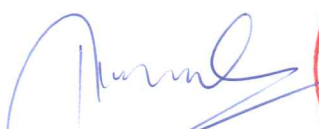
Ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ này")	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 ("Kỳ trước")
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	282.192.691	2.258.947.115
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(4.903.354)	(22.474.516)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	277.289.337	2.236.472.599
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(243.487.487)	(1.872.548.382)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.801.850	363.924.217
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	52.561.799	216.604.617
22	7. Chi phí tài chính	22	(36.027.419)	(249.774.578)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.376.970)	(239.344.987)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(35.839.485)	(336.301.381)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	182.601.583	(12.154.721)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		197.098.328	(17.701.846)
31	11. Thu nhập khác	24	282.112	903.326
32	12. Chi phí khác	24	(3.152.552)	(9.772.733)
40	13. Lỗ khác	24	(2.870.440)	(8.869.407)
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		194.227.888	(26.571.253)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		194.227.888	(26.571.253)


Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tinh
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngàn VND

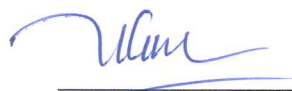
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		194.227.888	(26.571.253)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	11	642.009	4.809.115
03	Hoàn nhập dự phòng	9	(183.538.764)	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.870.550)	(27.554.756)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(41.654.166)	(187.238.292)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	22	35.376.970	239.344.987
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		183.387	2.789.801
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(116.865.567)	145.799.572
10	Tăng hàng tồn kho		(11.383.863)	(43.672.523)
11	Tăng các khoản phải trả		393.953.690	462.706.485
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.397.160)	4.874.289
14	Tiền lãi vay đã trả		(26.455.524)	(228.973.353)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		237.034.963	343.524.271
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		-	(2.126.733.610)
24	Tiền thu hồi cho vay		979.112.583	320.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.344.469.500)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		657.883	17.452.055
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(364.699.034)	(1.789.281.555)

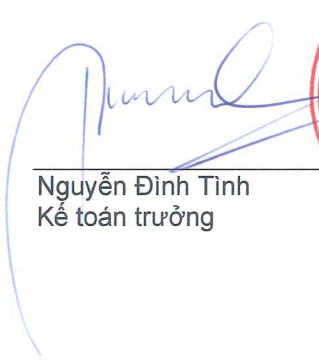


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

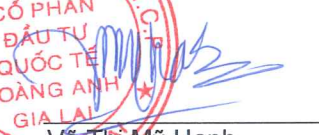
Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	19.3	-	100.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	18	226.311.046	5.771.828.424
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(215.973.613)	(4.429.993.030)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.337.433	1.441.835.394
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(117.326.638)	(3.921.890)
60	Tiền đầu kỳ	4	120.196.815	124.118.705
70	Tiền cuối kỳ	4	2.870.177	120.196.815


Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, năm (5) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty con				
(1) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(3) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(4) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(5) Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,00
(6) Công ty TNHH Phát triển Nông và Lâm nghiệp Sanamxay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32
(7) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông và Lâm nghiệp Saysettha	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32

Công ty liên kết

(1) Công ty Cổ phần Dầu tầm tơ Hàm Rồng	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	50,00	50,00
---	-------------------	----------------	-------	-------

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 38 (Ngày 17 tháng 11 năm 2025: 38).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần vào ngày 18 tháng 11 năm 2025 theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp. Do đó, theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty phải tiến hành lập báo cáo tài chính riêng theo các hướng dẫn được trình bày ở *Thuyết minh số 3.1*.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 12.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 16 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần. Vì vậy, theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc lập và trình bày báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, kỳ kế toán đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("Ngân VND").

2.6 Thông tin so sánh

Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần vào ngày 18 tháng 11 năm 2025 theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp.

Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng là từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 (là ngày Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025. Theo đó, số liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan không thể so sánh với số liệu của kỳ hiện hành do khác biệt về kỳ kế toán.

2.7 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp

Theo Thông tư 200, khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty phải tiến hành lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các nguyên tắc sau:

- Đối với bảng cân đối kế toán riêng: toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 17 tháng 11 năm 2025 (ngày cuối cùng trước khi chuyển đổi hình thức sở hữu) được trình bày trong cột số đầu kỳ. Cột số cuối kỳ trình bày số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025; và
- Đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng: số liệu lũy kế từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 được trình bày trong cột kỳ trước. Số liệu lũy kế từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (kỳ kế toán đầu tiên dưới hình thức sở hữu mới) được trình bày trong cột kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị quản lý	5 - 24 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phần phổ thông

Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Tiền mặt	32.462	84.757
Tiền gửi ngân hàng	2.837.715	120.112.058
TỔNG CỘNG	2.870.177	120.196.815

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 27)	318.521.826	259.252.030
Phải thu các bên thứ ba	99.228.540	86.753.548
- Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Đắc Ram	42.477.223	30.658.793
- Công ty Cổ phần Cá nước ngọt Gia Lai	33.150.947	12.458.731
- Khác	23.600.370	43.636.024
TỔNG CỘNG	417.750.366	346.005.578
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi (TM số 9)	-	(111.848.134)
GIÁ TRỊ THUẦN	417.750.366	234.157.444

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	257.680.881	166.596.088
Trả trước cho người bán	15.351.305	19.834.872
TỔNG CỘNG	273.032.186	186.430.960

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Cho vay các bên liên quan (TM số 27) (i)	543.158.822	1.229.391.265
Cho vay các bên thứ ba	14.200	1.206.630.637
- Công Ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai	-	1.200.000.000
- Ông Nguyễn Kim Luân	-	6.616.437
- Khác	14.200	14.200
TỔNG CỘNG	543.173.022	2.436.021.902

(i) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay có tài sản đảm bảo có thời hạn hoàn trả trong năm 2026 và hưởng lãi suất 7,68 - 8,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Ngắn hạn		
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("HTKD") (*)	1.178.000.000	1.178.000.000
Cần trừ công nợ	1.880.108.846	714.682.235
Phải thu cổ tức từ bên liên quan	246.940.000	246.940.000
Phải thu lãi cho vay	48.601.776	291.980.947
Phải thu lãi từ Hợp đồng HTKD	39.921.384	23.590.753
Tạm ứng cho nhân viên	1.091.709	6.174.602
Phải thu khác	-	117.500
TỔNG CỘNG	3.394.663.715	2.461.486.037
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (TM số 9)	-	(71.690.630)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.394.663.715	2.389.795.407
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 27)	3.389.757.241	1.619.686.961
Phải thu ngắn hạn các bên khác	4.906.474	841.799.076

(*) Đây là khoản góp vốn theo các Hợp đồng HTKD nhằm phát triển dự án trồng cà phê Arabica và dâu tằm tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam, và các Tỉnh Champasak, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các công ty với chi tiết như sau:

- Hợp đồng HTKD số 01/2025/HĐHTKD/HTL-CNGL ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, bên liên quan, với giá trị là 295.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 200 hecta cà phê Arabica và 300 hecta dâu tằm tại Huyện Mang Yang và Huyện Đăk Pơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 02/2025/HĐHTKD/HTL-GSLP ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang, bên liên quan, với giá trị là 326.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 500 hecta cà phê Arabica tại Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 03/2025/HĐHTKD/HTL-BLV ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Thủy Sản Cá Tầm Bolaven, bên liên quan, với giá trị là 180.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 350 hecta cà phê Arabica tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 04/2025/HĐHTKD/HTL-NNPQ ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai, bên liên quan, với giá trị là 377.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 600 hecta dâu tằm tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Dự phòng các khoản phải thu (TM số 5)	-	111.848.134
Dự phòng các khoản phải thu khác (TM số 8)	-	71.690.630
TỔNG CỘNG	-	183.538.764

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Số đầu kỳ	183.538.764	183.538.764
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(183.538.764)	-
Số cuối kỳ	-	183.538.764

10. HÀNG TỒN KHO

		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Hàng hóa	111.123.275	99.738.511
Nguyên vật liệu	976.027	976.928
TỔNG CỘNG	112.099.302	100.715.439

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Ngân VND
Nguyên giá					
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025					
và ngày 31 tháng 12 năm 2025	36.122.524	29.898.591	1.159.075	107.833	67.288.023
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	363.382	356.110	15.575	71.832	806.899
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	(10.252.148)	(10.525.499)	(833.192)	(82.972)	(21.693.811)
Khấu hao trong kỳ	(322.405)	(251.027)	(67.717)	(860)	(642.009)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	(10.574.553)	(10.776.526)	(900.909)	(83.832)	(22.335.820)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	25.870.376	19.373.092	325.883	24.861	45.594.212
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.547.971	19.122.065	258.166	24.001	44.952.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
		Ngàn VND
Đầu tư vào công ty con (TM số 12.1)	1.617.266.000	272.796.500
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.2)	316.391.000	316.391.000
TỔNG CỘNG	1.933.657.000	589.187.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.150.000)	(1.150.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.932.507.000	588.037.500

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			Ngày 17 tháng 11 năm 2025		
		Tỷ lệ sở hữu	%	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu	%	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai ("Phú Quý") (*)	Nông nghiệp	99,00		1.344.469.500	-	-		-	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng")	Nông nghiệp	100,00		272.796.500	-	100,00		272.796.500	-
TỔNG CỘNG				1.617.266.000	-			272.796.500	-

(*) Vào ngày 11 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 17.127.000 cổ phần, tương đương với 99,00% vốn cổ phần của Phú Quý từ các cổ đông cá nhân. Theo đó, Phú Quý trở thành công ty con của Công ty tại ngày này.

Phú Quý là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5901199277, do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 4 năm 2023. Hoạt động kinh doanh chính của Phú Quý trong kỳ là trồng cây ăn quả.

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025			Ngày 17 tháng 11 năm 2025		
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	(Ngàn VND)	(Ngàn VND)	%	(Ngàn VND)	(Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang")	Nông nghiệp	3,76	226.480.000	-	4,32	226.480.000	-
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Nông nghiệp	2,26	88.761.000	-	2,26	88.761.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Kinh doanh và dịch vụ	1,00	1.150.000	(1.150.000)	1,00	1.150.000	(1.150.000)
TỔNG CỘNG			316.391.000	(1.150.000)		316.391.000	(1.150.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 17 tháng 11 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	531.998.384	531.998.384	506.965.425	506.965.425
- Công ty Cổ phần Thương Mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	369.839.158	369.839.158	369.839.158	369.839.158
- Phải trả đối tượng khác	162.159.226	162.159.226	137.126.267	137.126.267
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	10.776.170	10.776.170	443.390.996	443.390.996
TỔNG CỘNG	542.774.554	542.774.554	950.356.421	950.356.421

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 17 tháng 11 năm 2025	
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 27)	96.055.527		114.055.250	
Nhận ứng trước của khách hàng	7.422.883		3.252.604	
- Công ty TNHH Fruitsco	2.540.473		-	
- Công ty TNHH Thực phẩm Taiwang Trịnh Châu	2.233.325		2.233.325	
- Khác	2.649.085		1.019.279	
TỔNG CỘNG	103.478.410		117.307.854	

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 17 tháng 11 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	31.028.490	27.256.353	(40.268.272)	18.016.571
Khác	463.090	331.156	(789.865)	4.381
TỔNG CỘNG	31.491.580	27.587.509	(41.058.137)	18.020.952
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	25.474.815	(25.474.815)	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.296	12.582	(29.740)	6.138
Các loại thuế khác	-	393.876	(393.876)	-
TỔNG CỘNG	23.296	25.881.273	(25.898.431)	6.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
	Ngàn VND	
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	26.121.696	24.827.964
Chi phí hoạt động	2.602.695	1.619.770
	28.724.391	26.447.734
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	50.706.125	44.842.152
TỔNG CỘNG	79.430.516	71.289.886
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>58.584.034</i>	<i>44.845.502</i>
- Ngắn hạn	10.590.800	3.350
- Dài hạn	47.993.234	44.842.152
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>20.846.482</i>	<i>26.444.384</i>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
	Ngàn VND	
Ngắn hạn		
Cần trừ công nợ	110.366.486	324.929.347
Phải trả ngắn hạn khác	7.659.734	7.194.496
	118.026.220	332.123.843
Dài hạn		
Cần trừ công nợ	1.038.773.927	4.875.082
TỔNG CỘNG	1.156.800.147	336.998.925
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>1.116.549.992</i>	<i>324.929.347</i>
- Ngắn hạn	110.366.486	324.929.347
- Dài hạn	1.006.183.506	-
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>40.250.155</i>	<i>12.069.578</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
	Ngàn VND	
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (TM số 18.1)	1.961.246.957	1.950.909.524
Vay dài hạn từ đơn vị khác đến hạn trả	-	41.756.536
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 18.2 và 27)	29.421.102	3.000.000
	1.990.668.059	1.995.666.060
Dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (TM số 18.4)	987.332.223	987.184.223
Vay các bên liên quan (TM số 18.2 và 27)	400.000.000	402.000.000
Vay đơn vị khác (TM số 18.3)	12.335.434	-
	1.399.667.657	1.389.184.223
TỔNG CỘNG	3.390.335.716	3.384.850.283

Chi tiết tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng cộng
	Ngàn VND		
Ngày 17 tháng 11 năm 2025	1.995.666.060	1.389.184.223	3.384.850.283
Vay trong kỳ	226.311.046	-	226.311.046
Cần trừ công nợ	(3.000.000)	(2.000.000)	(5.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	148.000	148.000
Phân loại lại	(12.335.434)	12.335.434	-
Trả nợ gốc vay	(215.973.613)	-	(215.973.613)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>1.990.668.059</u>	<u>1.399.667.657</u>	<u>3.390.335.716</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	1.299.997.357	1.299.996.383
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	461.250.000	453.250.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai	199.999.600	197.663.141
TỔNG CỘNG	1.961.246.957	1.950.909.524

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngân VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
---------------	--------------------	-------------------------------------	------------------	------------------

Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk

Khoản vay 1	<u>1.299.997.357</u>	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2026 đến ngày 12 tháng 12 năm 2026	7,7 - 8,7	156.930.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") - Công ty mẹ;
				5.785.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của bà Lê Thị Liễu;
				5.785.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của ông Trần Quang Dũng;
				39.323.900 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai;
				345.032.600 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của HAG;
				8.876.100 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
---------------	-----------------------	--	---------------------

Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Khoản vay 1	<u>461.250.000</u>	Từ ngày 2 tháng 4 năm 2026 đến ngày 3 tháng 6 năm 2026	8,3 - 9,3
-------------	--------------------	--	-----------

Tài sản thế chấp

Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai;

Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCNQSDĐ số BY 440735 và công trình nông nghiệp theo GCN số DD 782896, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai;

Tài sản gắn liền với đất theo Giấy phép sử dụng đất nhà nước ("GPSĐĐNN") số 889/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;

Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐĐNN số 104/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu;

Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo các GCNQSDĐ số BY 440736 và BY 440744, và công trình nông nghiệp theo GCNQSDĐ số DD 782897 và DD 782898 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai;

Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐĐNN số 483/STNMT và 0097/TNMT;

Thư bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức ngày 13/07/2023.

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	199.999.600	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	8,7	28.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.

18.2 Vay dài hạn từ bên liên quan

Khoản vay dài hạn từ bên liên quan chủ yếu cho mục đích hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty:

Bên liên quan	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	400.000.000	Ngày 24 tháng 4 năm 2029	7,675	Tin chấp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	29.421.102	Ngày 16 tháng 10 năm 2026	10,0	Tin chấp
TỔNG CỘNG	429.421.102			
Trong đó: Vay dài hạn Vay dài hạn đến hạn trả	400.000.000 29.421.102			

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn từ các công ty khác

Khoản vay dài hạn từ công ty khác chủ yếu cho mục đích hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty:

Đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Tổng hợp PC	<u>12.335.434</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2027	7,95	Tín chấp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của trái phiếu này được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Giá trị Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("OCBS") (i)	1.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(16.380.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	3.712.223
TỔNG CỘNG	987.332.223
Trong đó:	
Vay dài hạn trái phiếu	987.332.223

- (i) Vào ngày 8 tháng 8 năm 2025, Công ty đã phát hành 10.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất cố định 10,5%/năm và được mua lại một lần vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để phát triển các dự án trồng trọt cà phê Arabica và dâu tằm ở Gia Lai, Việt Nam và Lào. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng:

- (1) 188.300.000 cổ phiếu của HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức;
- (2) 156.930.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của HAG;
- (3) 5.785.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của bà Lê Thị Liễu;
- (4) 5.785.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của ông Trần Quang Dũng;
- (5) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 97,7 hecta của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;
- (6) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 150 hecta của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp và Tơ tằm Bolaven;
- (7) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 30,774 hecta của Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven;
- (8) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 150 hecta của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Hong Heang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Ngàn VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.285.000.000	(383.621.555)	901.378.445
Tăng vốn trong kỳ (*)	400.000.000	-	400.000.000
Lỗi thuần trong kỳ	-	(26.571.253)	(26.571.253)
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	1.685.000.000	(410.192.808)	1.274.807.192
Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	1.685.000.000	(410.192.808)	1.274.807.192
Lợi nhuận trong kỳ	-	194.227.888	194.227.888
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.685.000.000	(215.964.920)	1.469.035.080

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 131/25/NQ-HĐTV-HTL vào ngày 13 tháng 10 năm 2025, Công ty đã chấp thuận việc thay đổi vốn điều lệ từ 1.285.000.000 ngàn VND lên 1.685.000.000 ngàn VND. Tại ngày 22 tháng 10 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai phê duyệt cho việc tăng vốn trên.

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 18 tháng 11 năm 2025	
	Giá trị cổ phần	% sở hữu	Giá trị cổ phần	% sở hữu
Công ty Cổ phần				
Hoàng Anh Gia Lai	1.569.300.000	93,14	1.569.300.000	93,14
Ông Trần Quang Dũng	57.850.000	3,43	-	-
Ông Thủy Ngọc Dũng	-	-	57.850.000	3,43
Bà Lê Thị Liễu	57.850.000	3,43	57.850.000	3,43
TỔNG CỘNG	1.685.000.000	100,00	1.685.000.000	100,00

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Ngàn VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	1.685.000.000	1.285.000.000
Vốn góp bằng tiền trong kỳ	-	100.000.000
Vốn góp bằng chuyển đổi khoản vay bên liên quan trong kỳ (TM số 27)	-	300.000.000
Số cuối kỳ	1.685.000.000	1.685.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Cổ phần

	Số lượng cổ phần	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 18 tháng 11 năm 2025
Cổ phần đã phát hành		
Cổ phần đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	168.500.000	168.500.000
Cổ phần phổ thông	168.500.000	168.500.000
Cổ phần đang lưu hành		
Cổ phần phổ thông	168.500.000	168.500.000

Cổ phần của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Ngân VND Kỳ trước
Tổng doanh thu	282.192.691	2.258.947.115
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	100.005.479	1.342.442.005
Doanh thu bán hàng hóa	159.961.949	787.151.783
Doanh thu khác	22.225.263	129.353.327
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.903.354)	(22.474.516)
Giảm giá hàng bán	(4.903.354)	(22.474.516)
Doanh thu thuần	277.289.337	2.236.472.599
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	95.102.126	1.319.967.489
Doanh thu bán hàng hóa	159.961.949	787.151.783
Doanh thu khác	22.225.262	129.353.327
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 27)	144.600.670	832.367.848
Doanh thu đối với bên thứ ba	132.688.667	1.404.104.751

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Ngân VND Kỳ trước
Lãi cho vay	25.320.024	163.514.438
Lãi từ Hợp đồng HTKD	16.330.630	23.590.753
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.907.634	29.366.325
Khác	3.511	133.101
TỔNG CỘNG	52.561.799	216.604.617
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 27)	39.263.345	131.639.142
Doanh thu từ các bên thứ ba	13.298.454	84.965.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	151.981.298	696.687.293
Giá vốn trái cây đã bán	66.833.188	996.450.434
Giá vốn khác	24.673.001	179.410.655
TỔNG CỘNG	243.487.487	1.872.548.382

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	35.376.970	239.344.987
Phí cam kết cấp tín dụng	559.662	10.237.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.787	192.148
TỔNG CỘNG	36.027.419	249.774.578

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	12.491.623	146.033.323
Chi phí dụng cụ bán hàng	12.170.350	117.524.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.871.911	63.562.992
Chi phí lương nhân viên	658.672	4.383.217
Chi phí khấu hao và hao mòn	514.923	3.810.650
Chi phí bán hàng khác	132.006	986.568
	35.839.485	336.301.381
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	564.020	3.993.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.784	7.466.377
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(183.538.764)	-
Chi phí khác	102.377	695.330
	(182.601.583)	12.154.721
TỔNG CỘNG	(146.762.098)	348.456.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán phế liệu	282.112	125.792
Khác	-	777.534
	282.112	903.326
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	144.646	1.287.825
Các khoản phạt	8.931	68.083
Khác	2.998.975	8.416.825
	3.152.552	9.772.733
LỖ KHÁC THUẦN	(2.870.440)	(8.869.407)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Chi phí hàng hóa	243.359.502	1.844.002.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.804.668	350.462.441
Chi phí nhân viên	1.222.692	8.376.231
Chi phí khấu hao (TM số 11)	642.009	4.809.115
Hoàn nhập chi phí dự phòng (TM số 9)	(183.538.764)	-
Khác	235.282	13.353.850
TỔNG CỘNG	96.725.389	2.221.004.484

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận/lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	194.227.888	(26.571.253)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	38.845.578	(5.314.251)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	600.853	1.335.375
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 20/2025/ND-CP	-	8.068.501
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	(2.407.748)	(4.089.625)
Lỗ năm trước chuyển sang	(24.295.455)	-
Chi phí lãi vay chưa được trừ năm trước chuyển sang	(12.743.228)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26.2 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn khoản lỗ lũy kế (tại ngày 17 tháng 11 năm 2025: 121.477.279 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
2022	2027	22.992.019	(22.992.019)	-	-
2024 (*)	2029	111.358.519	(111.358.519)	-	-
TỔNG CỘNG		134.350.538	(134.350.538)	-	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ thuế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá năm (5) năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Ngàn VND					
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (*)	Chi phí lãi vay đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2025
2021	2026	32.382.474	(32.382.474)	-	-
2022	2027	61.553.214	(38.777.725)	-	22.775.489
2025	2030	40.342.506	-	-	40.342.506
		134.278.194	(71.160.199)	-	63.117.995

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng")	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang ("Souk Houng")	Công ty con gián tiếp (từ ngày 1 tháng 6 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay ("Khăn Xay")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven ("Bolaven")	Công ty con gián tiếp
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Nguyên vật liệu")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Cơ khí")	Chi nhánh của công ty mẹ
Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai ("Khách sạn HAGL")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Chế biến Hoa quả")	Chi nhánh của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven ("Thủy sản Cá tầm")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cá tầm Bolaven Paksong ("Cá tầm Paksong")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang ("Mang Yang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Gia súc Lơ Pang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì ("Bột Mì")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá ("Trà Bá")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu ("Hoàn Thịnh")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Đông Gia Lai ("Đông Gia Lai")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai ("Phú Quý")	Công ty con trực tiếp (từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp và Phát triển rừng tỉnh Sanamxay	Công ty con gián tiếp (từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông và Lâm nghiệp Saysettha ("Saysettha")	Công ty con gián tiếp (từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)
Công ty Cổ phần Dầu tằm tơ Hàm Rồng ("Hàm Rồng")	Công ty liên kết (từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Kỳ trước</i>
HAG	Cần trừ công nợ	854.031.470	114.531.000
	Chi phí lãi vay	3.709.822	45.040.685
	Cung cấp dịch vụ	130.515	340.072
	Bán hàng hóa	77.040	268.573
	Mua dịch vụ	7.519	49.782
	Góp vốn bằng khoản vay	-	300.000.000
Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa	52.572.080	317.186.236
	Mua hàng hóa	42.377.292	221.286.225
	Cung cấp dịch vụ	4.240.890	240.000
	Lãi từ HTKD	4.089.589	9.201.575
	Lãi cho vay	570.389	4.161.248
	Phải thu từ HTKD	-	295.000.000
Gia súc Lơ Pang	Mua hàng hóa	29.957.932	426.433.759
	Bán hàng hóa	14.034.607	72.899.073
	Lãi từ HTKD	4.519.342	9.226.150
	Cung cấp dịch vụ	4.073.929	2.701.914
	Phải thu từ HTKD	-	326.000.000
Lê Me	Lãi cho vay	9.969.327	68.282.720
	Cho vay	-	212.500.170
Trà Bá	Cần trừ công nợ	245.694.312	-
	Bán hàng hóa	4.337.290	22.926.455
	Cung cấp dịch vụ	8.000	7.930
	Mua hàng hóa	-	558.396
Bột Mì	Cần trừ công nợ	245.694.312	-
	Giảm khoản cho vay do cần trừ	53.746.996	-
	Bán hàng hóa	17.104.910	113.366.144
	Cung cấp dịch vụ	1.603.372	3.833.789
	Lãi cho vay	444.081	3.239.771
	Mua hàng hóa	-	101.066.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Giao dịch	Kỳ này	Ngàn VND
			Kỳ trước
Đại Thắng	Cần trừ công nợ	1.101.279.488	-
	Bán hàng hóa	19.527.367	101.653.145
	Mua hàng hóa	8.875.781	215.939.026
	Cung cấp dịch vụ	1.445.464	897.378
	Lãi cho vay	136.343	994.681
Khăn Xay	Cần trừ công nợ	174.274.643	3.748.698
	Mua hàng hóa	21.274.193	144.014.982
	Bán hàng hóa	17.861.648	100.486.457
	Cung cấp dịch vụ	4.047.510	-
Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng hóa	13.495.262	24.311.583
Cá tầm Paksong	Bán hàng hóa	2.073.936	1.398.082
Thủy sản Cá tầm	Lãi từ HTKD	2.495.342	2.787.411
	Bán hàng hóa	74.735	28.747
	Phải thu từ HTKD	-	180.000.000
Thể thao LPBank HAGL	Giảm khoản cho vay do cần trừ	12.682.272	-
	Bán hàng hóa	129.973	27.065
	Lãi cho vay	117.337	403.032
	Cho vay	-	12.453.440
Đồng Gia Lai	Bán hàng hóa	-	91.390.946
	Mua hàng hóa	-	52.736.967
	Lãi cho vay	-	33.342.554
Phú Quý	Chi hộ	57.850.000	562.779.000
	Lãi cho vay	11.695.239	52.643.836
	Lãi từ HTKD	5.226.356	2.375.616
	Chi phí lãi vay	354.665	1.903.089
	Cho vay	-	400.000.000
	Tăng khoản vay do cần trừ	-	800.000.000
	Phải thu từ HTKD	-	377.000.000
	Vay	-	17.560.000
Chi nhánh Cơ khí	Mua hàng hóa	1.292.472	167.702
	Bán hàng hóa	1.257.404	2.706.972
	Mua dịch vụ	-	10.731
	Cung cấp dịch vụ	-	8.870
Mang Yang	Mua hàng hóa	-	12.380.743
Khách sạn HAGL	Chi phí lãi vay	30.137	219.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		Ngàn VND	
Bên liên quan	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)			
Bột Mì	Bán hàng hóa	169.954.262	153.471.039
Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa	100.579.591	-
Khăn Xay	Bán hàng hóa	29.312.237	8.909.477
Đại Thắng	Bán hàng hóa	14.396.460	562.704
Cá tầm Paksong	Bán hàng hóa	3.482.691	1.398.514
Hàm Rồng	Bán hàng hóa	372.022	-
HAG	Bán hàng hóa	192.372	-
Thẻ thao LPBank HAGL	Bán hàng hóa	122.754	17.058
Thủy sản Cá tầm	Bán hàng hóa	109.437	29.159
Trà Bá	Bán hàng hóa	-	94.864.079
		318.521.826	259.252.030
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)			
Trà Bá	Ứng trước mua hàng hóa	137.043.498	36.603.354
Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng hóa	70.084.569	-
Bột Mì	Ứng trước mua hàng hóa	41.422.205	40.451.571
Đại Thắng	Ứng trước mua hàng hóa	9.130.609	-
Gia súc Lơ Pang	Ứng trước mua hàng hóa	-	88.255.155
Khăn Xay	Ứng trước mua hàng hóa	-	1.286.008
		257.680.881	166.596.088
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)			
Phú Quý	Cho vay	526.465.925	-
Đại Thắng	Cho vay	16.692.897	16.662.955
Lê Me	Cho vay	-	1.084.320.320
Chăn nuôi Gia Lai	Cho vay	-	61.650.000
Bột Mì	Cho vay	-	54.075.718
Thẻ thao LPBank HAGL	Cho vay	-	12.682.272
		543.158.822	1.229.391.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngân VND	
Bên liên quan	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
Đại Thắng	Cần trừ công nợ	1.110.006.017	-
	Phải thu cổ tức	246.940.000	246.940.000
	Lãi cho vay	1.647.976	1.508.442
Phú Quý	Phải thu từ HTKD	377.000.000	-
	Cần trừ công nợ	307.378.800	-
	Lãi cho vay	46.887.020	-
	Lãi từ HTKD	7.601.973	-
Gia súc Lơ Pang	Phải thu từ HTKD	326.000.000	326.000.000
	Lãi từ HTKD	13.745.493	9.226.151
Chăn nuôi Gia Lai	Phải thu từ HTKD	295.000.000	295.000.000
	Lãi từ HTKD	13.291.164	9.201.575
	Lãi cho vay	-	40.755.206
Bột Mì	Cần trừ công nợ	245.694.312	-
	Lãi cho vay	-	4.913.139
Thủy sản Cá tầm	Phải thu từ HTKD	180.000.000	180.000.000
	Lãi từ HTKD	5.282.753	2.787.411
Khăn Xay	Cần trừ công nợ	175.655.594	-
Nông nghiệp Tây Nguyên	Cần trừ công nợ	20.408.725	20.000.000
Souk Houng	Cần trừ công nợ	9.129.530	-
HAG	Cần trừ công nợ	8.087.884	274.317.250
Lê Me	Lãi cho vay	-	208.634.178
Thể thao LPBank HAGL	Lãi cho vay	-	403.609
		3.389.757.241	1.619.686.961
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13)			
Khăn Xay	Mua hàng hóa	10.776.170	-
Chăn nuôi Gia Lai	Mua hàng hóa	-	400.225.827
Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng hóa	-	38.325.532
Đại Thắng	Mua hàng hóa	-	4.815.973
HAG	Mua hàng hóa	-	23.664
		10.776.170	443.390.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 14)			
Chăn Nuôi Gia Lai	Ứng trước mua hàng hóa	62.946.814	80.856.040
Gia súc Lơ Pang	Ứng trước mua hàng hóa	19.116.016	19.116.016
Chi nhánh Cơ khí	Ứng trước mua hàng hóa	13.992.697	14.003.194
Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng hóa	-	80.000
		96.055.527	114.055.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngàn VND	
Bên liên quan	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 16)			
Phú Quý	Chi phí lãi vay	10.587.450	-
HAG	Chi phí khác	3.350	3.350
		10.590.800	3.350
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 16)			
HAG	Chi phí lãi vay	47.993.234	44.283.412
Khách sạn HAGL	Chi phí lãi vay	-	558.740
		47.993.234	44.842.152
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 17)			
Phú Quý	Cần trừ công nợ	98.369.158	-
Saysettha	Cần trừ công nợ	11.997.328	-
Trà Bá	Cần trừ công nợ	-	289.377.084
HAG	Cần trừ công nợ	-	35.552.263
		110.366.486	324.929.347
Phải trả dài hạn khác (TM số 17)			
HAG	Cần trừ công nợ	860.046.186	-
Trà Bá	Cần trừ công nợ	146.137.320	-
		1.006.183.506	-
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 18)			
Phú Quý	Vay	29.421.102	-
Khách sạn HAGL	Vay	-	3.000.000
		29.421.102	3.000.000
Vay dài hạn (TM số 18)			
HAG	Vay	400.000.000	400.000.000
Khách sạn HAGL	Vay	-	2.000.000
		400.000.000	402.000.000

Thu nhập của các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Thu nhập (*)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Ban kiểm soát	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch (từ ngày 19 tháng 11 năm 2025)	-	-
Bà Nguyễn Thị Mơ	Chủ tịch (đến ngày 19 tháng 11 năm 2025)	-	28.530
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên/Giám đốc	-	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên (từ ngày 19 tháng 11 năm 2025)	-	-
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên (từ ngày 19 tháng 11 năm 2025)	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên (từ ngày 19 tháng 11 năm 2025)	-	-
Bà Lê Thị Liễu	Thành viên (đến ngày 19 tháng 11 năm 2025)	-	19.020
Ông Thủy Ngọc Dũng	Thành viên (đến ngày 19 tháng 11 năm 2025)	-	19.020
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc	61.678	453.804
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc (đến ngày 19 tháng 11 năm 2025)	53.660	397.275
TỔNG CỘNG		115.338	917.649

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026